

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Việt Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 9/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 08/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 về việc thông qua Danh mục bổ sung các dự án, công trình được phép thu hồi đất; các dự án, công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và điều chỉnh chỉ tiêu đất cơ sở thể dục thể thao huyện Lạng Giang về huyện Việt Yên; số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về việc thông qua danh mục các công trình, dự án được phép thu hồi đất; các công trình, dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích năm 2020; số 22/NQ-HĐND ngày 18/9/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020; số 23/NQ-HĐND ngày 18/9/2020 về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang và phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất Khu công nghiệp, đất ở đô thị cho các huyện: Lục Nam, Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa; số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất; danh mục các dự án cần

thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2021;

Theo đề nghị của: UBND huyện Việt Yên tại Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 28/01/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 85/TTr-TNMT ngày 04/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Việt Yên với các chỉ tiêu trong Phụ lục kèm theo Quyết định này gồm: Diện tích các loại đất năm 2021; Kế hoạch thu hồi đất; Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất; Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(Chi tiết tại Thuyết minh và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất xác nhận bởi Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chủ tịch UBND huyện Việt Yên lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Việt Yên)

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức:

1. UBND huyện Việt Yên:

- Công bố công khai, rộng rãi thuyết minh và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo nội dung đã phê duyệt; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra UBND huyện Việt Yên trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Việt Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

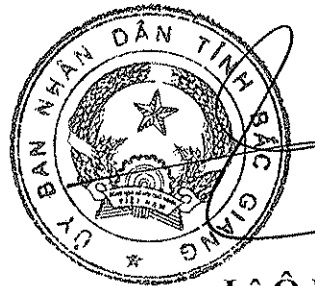
Nơi nhận:

- STN&MT (5b, lưu HS);
- UBND huyện Việt Yên (5b, lưu HS);
- Lưu VT, TN_{SN}.

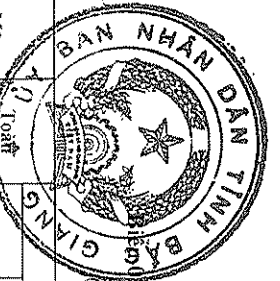
Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- HĐND huyện Việt Yên;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + TN, ĐT, GT, XD, KT, NN;
 - + TTTT (đăng tải).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích



KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN VIỆT YÊN
 Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05 tháng 2 năm 2021 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu	Mã	Phân theo đơn vị hành chính																	
			huyện (ha)	TT Nénh	TT Bích Đông	X. Việt Tiến	X. Tư Lan	X. Hương Mai	X. Tầng Tiến	X. Văn Trung	X. Trung Sơn	X. Ninh Sơn	X. Tiên Sơn	X. Quang Châu	X. Quảng Minh	X. Hồng Thái	X. Nghĩa Trung	X. Minh Đức	X. Thượng Lan	X. Văn Hà
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.046,32	125,34	98,23	26,03	16,40	42,99	206,32	78,10	123,68	24,00	9,28	135,75	2,32	72,00	4,02	43,10	34,72	4,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	725,47	100,09	68,28	20,63	14,90	6,30	188,57	76,73	13,47	23,00	7,68	111,01	2,32	60,70	4,02	11,61	13,02	3,14
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC/PNN	695,47	100,09	68,28	20,63	14,90	6,30	188,57	76,73	13,47	23,00	7,68	111,01	2,32	30,70	4,02	11,61	13,02	3,14
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	104,93	22,05	22,99	4,40	9,50	10,25			7,00		0,20	22,44		0,30		1,50	3,40	0,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	41,90	0,50	2,20		0,50	13,59			6,10							7,51	11,50	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	1,26															1,26		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	131,43			1,00		13,50			94,91		0,20				20,32	1,50		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	37,63	2,70	4,76		1,00	0,10	7,50	1,37	2,20	1,00	1,20	2,30	11,00		0,90	1,60		
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	3,70																3,70	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,10			1,50	2,00	2,80		1,00			4,00		1,00	4,00	3,00	1,80		
2.1	Đất trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUACLN	9,80				2,00			1,00			2,00		1,00	2,00		1,80		
2.2	Đất chuyển trồng lúa nước chuyên sang đất làm	LUAMNP																		
2.3	Đất trồng lúa nước chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LUANTS	9,80					2,80					2,00				3,00			
2.4	Đất trồng lúa nước chuyên sang đất làm muối	LUAMKH	1,50			1,50														
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OTC																		

Ghi chú: (a) Gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

